

Tr-êng ®i hắc Hụ Núi
Trung t©m Sụo t'ô tỗ xa

Danh s, ch thÝ sinh dù thi ®Çu vọo k17B

Nguy thi: S, ng chñ nhËt nguy 17 - 09 - 2006

Şpa ®iÖm; Tr-êng cÊp III Kim li^n

Phßng thi: Sè

SBD	HỌ VÀ T^n	NGÀY SINH	NƠI SINH	NGHE	Đ.VIẾT	TỔNG	GHI CHÚ
500	Trương Thị Ngọc Anh	22.09.88	Hà Tây	14	17	31	
501	Nguyễn Việt Anh	16.09.87	Hà Nội	15	31	46	
502	Nguyễn Hải Đăng	19.05.83	Lào Cai	14	40	54	
503	Trình Tấn Đạt	29.10.87	Quảng Ninh	17	40	57	
504	Nguyễn Thị Đạt	25.01.86	Hà Tây	18	27	45	
506	Phạm Thị Điệp	17.03.87	Hà Nội	23	41	64	
507	Lê Thị Ngọc Điệp	13.03.87	Hải Dương	13	46	59	
508	Nguyễn Hoài Đức	15.11.87	Hà Nội	17	22	39	
509	Lê Hữu Đức	30.12.88	Hà Nội	25	54	79	
510	Lê Mạnh Đức	26.10.78	Hải Phòng			0	
511	Nguyễn Anh Đức	03.12.81	Hà Nội	20	29	49	
512	Vũ Việt Đức	20.10.85	Hà Tây	22	36	58	
514	Trần Anh Đức	01.12.84	Hà Nội	23	37	60	
515	Nguyễn Minh Đức	24.03.84	Hoà Bình	22	42	64	
516	Nguyễn Anh Đua	30.12.84	Hà Nam	16	29	45	
517	Nguyễn Thị Thuỳ An	24.11.80	Hà Nội	17	20	37	
518	Hoàng Lê An	20.04.81	Quảng Trị	18	35	53	
519	Nguyễn Văn An	25.01.85	Hải Dương	19	26	45	
520	Hoàng Bình An	28.12.88.	Hà Nội	1	5	6	
521	Nguyễn Thị Thuý An	27.09.86	Quảng Ninh	22	24	46	
522	Phạm Tuấn Anh	17.11.83	Quảng Ninh	24	35	59	
523	Nguyễn Duy Anh	23.11.87	Phú Thọ	15	30	45	
524	Nguyễn Hải Anh	03.02.85	Hà Nội	18	35	53	
525	Lê Thị Lan Anh	31.12.76	Hà Nội			0	
526	Ngô Phương Anh	30.09.88	Hà Tây	18	46	64	
527	Nguyễn Mai Thuý Anh	23.11.81	Hà Nội	24	53	77	
528	Mai Xuân Anh	11.10.80	Yên Bái	5	9	14	
529	Phạm Tuấn Anh	28.10.87	Lào Cai	14	35	49	
530	Lê Hải Anh	07.10.87	Hà Nội	18	28	46	
531	Nguyễn Thị Lan Anh	19.06.81	Vĩnh phúc	19	26	45	
532	Nguyễn Tiến Anh	04.05.87	Hà Nội	19	52	71	
533	Đỗ Lê Anh	03.12.79	Hà Bắc			0	
534	Nguyễn Thị Phương Anh	18.04.87	Nghệ an	17	28	45	
535	Phạm Việt Anh	25.01.84	Hà Nội	26	23	49	
536	Đoàn Lan Anh	06.08.71	Hà Nội	24	32	56	
537	Chu Việt Anh	03.10.87	Hà Nội	25	41	66	
538	Hoàng Việt Anh	01.01.77	Nam Định	5	8	13	
539	Đỗ Thị Ngọc Anh	11.02.88	Nam Định	17	31	48	
540	Võ Hồng Anh	20.12.86	Hà Nội	14	31	45	
540a	Manichanh Mienmany	31.10.88	Lào	16	29	45	
540b	Thavixay Movkdalinh	04.06.87	Lào	16	29	45	

Tr-êng ®i hắc Hụ Núi
Trung t©m Sụo t'ô tỗ xa

Danh s, ch thÝ sinh dù thi ®Çu vọo k17B

Nguy thi: S, ng chñ nhËt nguy 17 - 09 - 2006

Spa ®iÖm; Tr-êng cÊp III Kim li^n

Phßng thi: Sè

SBD	HỌ VÀ T^n		NGÀY SINH	NƠI SINH	NGHE	Đ.VIẾT	TỔNG	GHI CHÚ
541	Đặng Phương	Anh	20.04.83	Hà Nội	23	47	70	
542	Quách Tuấn	Anh	01.04.87	Phú Thọ	20	48	68	
543	Lê Duy	Anh	19.12.88	Hà Nội	17	31	48	
544	Nguyễn Tuấn	Anh	22.11.80	Hà Nội	13	32	45	
545	Nguyễn Thị Hoàng	Anh	15.04.72	Ha nội	22	34	56	
546	Lê Thị Hải	Anh	22.09.87	Hải Dương	25	38	63	
547	Hun	Aun	02.08.84	Campuchia	20	35	55	
548	Lê Tùng	Bách	10.02.59	Hà Nội	5	10	15	
549	Trần Phi	Bách	26.03.88	Hà Nội			0	
550	Nguyễn Thái	Bình	15.08.85	Ninh Bình	18	15	33	
551	Phạm Anh	Bình	18.09.83	Hà Nội	23	46	69	
552	Đào Sinh	Bình	22.10.85	Thái Bình	21	48	69	
553	Hồ Thị	Bé	06.08.88	Quảng Bình			0	
554	Ngô Diên	Binh	01.11.83	Bắc Ninh	22	32	54	
555	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	14.07.82	Hà Nội	27	47	74	
556	Vũ Ngọc	Bích	23.06.87	Yên Bái	26	44	70	
557	Nguyễn Ngọc	Bích	20.10.88	Hà Nam	16	32	48	
558	Phạm Xuân	Bích	11.10.87	Hung Yên	7	8	15	
559	Đào Xuân	Cơ	12.01.73	Hung Yên	19	32	51	
560	Đình Văn	Cương	05.01.87	Ninh Bình	13	26	39	
561	Nguyễn Xuân	Cương	26.08.84	Hung Yên	23	43	66	
562	Nguyễn Kiên	Cường	20.12.77	Hải Phòng	26	50	76	
563	Phạm Viết	Cường	31.07.84	Tuyên Quang	23	28	51	
564	Nguyễn Như	Cường	12.05.87	Hà Nội	27	40	67	
565	Đình Cao	Cường	02.08.85	Lào Cai	22	28	50	
566	Phạm Viết	Cường	14.10.84	Hà Tây	19	20	39	
567	Lê Văn	Cường	12.10.87	QuảngNinh	5	10	15	
568	Bùi Đức	Cường	24.10.88	Hà Tây	26	44	70	
569	Lê Văn	Cường	26.10.87	Đắc Lắc	20	40	60	
570	Lương Mạnh	Cường	28.11.88	Bungari	20	39	59	
571	Bùi Thị	Châu	12.06.77	Quảng Ninh	21	50	71	
572	Lương Thị Hồng	Châu	05.02.74	Hà Nam Ninh			0	
573	Nguyễn Phương	Chi	14.05.87	Hà nội	28	48	76	
574	Cao Xuân Phương	Chi	20.10.88	Hà Nội	28	43	71	
575	Trịnh Thị	Chinh	05.02.84	Thanh Hoá	22	23	45	
576	Trần Văn	Chinh	12.02.82	Hà Nội			0	
577	Dương Thị Thanh	Chiến	20.07.71	Hung Yên	26	40	66	
578	Hoàng Đức	Chiến	04.01.87	Nam Hà	25	44	69	
579	Phạm Văn	Chương	10.11.80	Hải Dương	15	18	33	
579a	Trần Thị Ngọc	Mai	08.11.88	Thanh Hoá	12	25	37	
579b	Phạm Minh	Ngọc	02.06.83	Ha nội	18	36	54	

Tr-êng ®i hắc Hụ Núi
Trung t©m Sụo t'ô tỗ xa

Danh s, ch thÝ sinh dù thi ®Çu vọo k17B

Nguy thi: S, ng chñ nhËt nguy 17 - 09 - 2006

Spa ®iÖm; Tr-êng cÊp III Kim li^n

Phßng thi: Sè

SBD	HỌ VÀ T^n	NGÀY SINH	NƠI SINH	NGHE	Đ.VIẾT	TỔNG	GHI CHÚ
580	Phan Công Chung	09.03.72	Hà Nam	17	28	45	
581	Lê Đức Chuyên	18.06.70	Hà Nội	17	28	45	
582	Ngô Thị Kim Cúc	15.07.79	Hà Nội	18	27	45	
583	Nguyễn Đoàn Đông	25.08.86	Phú Thọ	17	29	46	
584	Lê Đạt	15.11.88	Hà Nội	18	33	51	
585	Nguyễn Thuỳ Dương	04.01.89	Hà Nội	26	49	75	
586	Nguyễn Thuỳ Dương	08.03.89	Hà Nội			0	
587	Hoàng Thị Thuỳ Dương	14.02.84	Bắc Giang	8	9	17	
588	Tô Thuỳ Dương	12.11.86	Hà Nội	19	44	63	
589	Phạm Ngọc Diệp	03.08.88	Phú Thọ	19	42	61	
590	Phạm Thị Doan	20.08.83	Hải Dương	15	24	39	
591	Nguyễn Mạnh Dũng	30.06.88	Phú Thọ			0	
592	Đặng Đình Dũng	19.01.87	Quảng Ninh	12	22	34	
593	Hoàng Xuân Dũng	30.10.85	Tuyên Quang	15	30	45	
594	Hoàng Thế Dũng	01.06.80	Thanh Hoá	8	9	17	
595	Nguyễn Đăng Dũng	02.05.87	Vĩnh Phú	12	19	31	
596	Nguyễn Xuân Dũng	21.06.87	Hưng Yên	28	31	59	
597	Đặng Anh Dũng	14.12.81	Hà Nội	23	42	65	
598	Phạm Tuấn Dương	19.10.87	Hà Nội	24	47	71	
599	Ngô Thuỳ Dương	25.10.79	Hà Nội	27	46	73	
600	Lương Văn Duẩn	14.03.85	Nam Định	19	23	42	
601	Đinh Thị Phương Dung	26.08.87	Hải Dương	18	27	45	
602	Nguyễn Thị Dung	02.05.87	Hà Nội	25	34	59	
603	Lê Thị Thuỳ Dung	28.12.87	Yên Bái	5	4	9	
604	Chu Thị Thuỳ Dung	29.09.87	Hà Nội	14	23	37	
605	Trương Thị Dung	27.07.85	Hà Tây	13	18	31	
606	Vũ Thuỳ Dung	13.09.86	Hải Phòng	21	38	59	
607	Lê Thuỳ Dung	25.02.88	Hà Nội	21	30	51	
608	Nguyễn Thị Thuỳ Dung	10.09.87	Hải Phòng	24	31	55	
609	Hoàng Mạnh Duy	22.10.88	Hà Nội	24	37	61	
610	Nguyễn Văn Giang	05.02.83	Hà Tây	23	45	68	
611	Nguyễn Thị Hương Giang	25.08.88	Hà Tĩnh	24	46	70	
612	Nguyễn Trà Giang	19.09.86	Hà Nội	17	35	52	
613	Nguyễn Trần Giang	20.10.83	Hà Nội			0	
614	Trần Lam Giang	27.12.85	Nghe An	14	32	46	
615	Ngô Thị Giang	28.11.82	Vĩnh Phú			0	
616	Trần Thế Giang	20.10.75	Hà Nam	20	18	38	
617	Nguyễn Thị Quỳnh Giang	22.08.85	Hà Nội	22	40	62	
618	Chúc Thi Hằng	06.08.86	Bắc Giang			0	

Tr-êng ®i hắc Hụ Núi
Trung t©m Sụo t'ô tở xa

Danh s, ch thÝ sinh dư thi ®Çu vựo k17B

Nguy thi: S,ng chñ nhËt nguy 17 - 09 - 2006

Spa ®iÔm; Tr-êng cÊp III Kim li^n

Phßng thi: Sè

SBD	HỌ VÀ T^n	NGÀY SINH	NƠI SINH	NGHE	Đ.VIẾT	TỔNG	GHI CHÚ
619	Trương Thị Hằng	10.09.87	Nghê an	17	21	38	
620	Nguyễn Thị Thanh Hằng	29.12.86	Thái Nguyên	19	26	45	
621	Đặng Thị Hữu	12.12.73	Hà Tây	21	24	45	
622	Nguyễn Ngọc Hân	02.10.87	Hà Nội	20	38	58	
623	Phạm Thanh Hương	10.11.87	Hải Phòng	16	44	60	
624	Vũ Thị Thu Hương	07.10.75	Hải Dương	22	29	51	
625	Đào Thị Hương	18.03.87	Hưng Yên	15	30	45	
626	Trịnh Thu Hương	21.09.86	Hà Tây	18	35	53	
627	Nguyễn Diệu Hương	10.10.85	Hà Nội	4	6	10	
628	Nguyễn Thị Diễm Hương	26.03.87	Hà Tây	25	35	60	
629	Vũ Thị Lan Hương	27.11.87	Thái Bình	16	36	52	
630	Ngô Thị Hường	28.03.85	Nam Định	17	31	48	
631	Nguyễn Thị Giáng Hương	24.07.87	Hà Tây	26	24	50	
632	Nguyễn Thị Hương	05.12.86	Bắc Ninh	26	30	56	
633	Hà Thị Thu Hưởng	27.11.87	Hà Nội	23	49	72	
634	Lê Thị Thu Hương	12.01.84	Hà Nội	25	47	72	
635	Hoàng Diễm Hương	05.03.86	Bắc Ninh	5	8	13	
636	Nguyễn Thị Ngọc Hương	11.12.88	Hà Nội	19	35	54	
637	Nguyễn Thị Thanh Hà	15.01.80	Bắc Ninh	17	35	52	
638	Nguyễn Thị Ngọc Hà	26.02.81	Yên Bái	21	36	57	
639	Lê Thị Hà	16.10.64	Hà Nam	17	28	45	
640	Nguyễn Thị Yên Hà	03.02.85	Yên Bái	27	41	68	
641	Nguyễn Thái Hà	19.09.87	Hà Nội	22	23	45	
642	Nguyễn Ngọc Hà	16.05.84	Hưng Yên			0	
643	Quách Hoàng Hà	02.05.81	Hà Nội	18	34	52	
644	Lê Khánh Hà	22.10.76	Hà Nội	18	31	49	
645	Nguyễn Ngọc Hà	02.03.79	Nam Định			0	
646	Nguyễn Thu Hà	22.01.84	Hà Nội	25	32	57	
647	Ngô Ngọc Hà	31.08.82	Nam Định	23	30	53	
648	Bùi Thu Hà	24.03.84	Hà Nội	20	32	52	
649	Nguyễn Thị Thu Hà	08.04.86	Cao Bằng	19	32	51	
650	Quách Thị Ngân Hà	10.06.86	Hà Nội	24	41	65	
651	Đặng Thị Việt Hà	27.10.87	Phú Thọ	28	32	60	
652	Hoàng Thị Nguyệt Hà	05.08.85	Hà Nội	26	42	68	
653	Trần Đức Hải	10.11.85	Nam Định	20	26	46	
654	Trịnh Hà Hải	30.05.87	Hà Nội	23	37	60	
655	Nguyễn Văn Hải	04.05.89	Thanh Hoá			0	
656	Ngô Minh Hải	17.10.83	Sơn La	15	40	55	
657	Lê Thị Hải	30.05.87	Thanh Hoá	13	32	45	

Tr-êng ®'i hắc Hụ Núi
Trung t©m Sụo t'ô tở xa

Danh s, ch thÝ sinh dư thi ®Çu vọo k17B

Nguy thi: S,ng chñ nhËt nguy 17 - 09 - 2006

Spa ®iÖm; Tr-êng cÊp III Kim li^n

Phßng thi: Sè

SBD	HỌ VÀ T^n	NGÀY SINH	NƠI SINH	NGHE	Đ.VIẾT	TỔNG	GHI CHÚ
658	Phạm Hải	14.05.77	Phú Thọ	15	24	39	
659	Nguyễn Minh Hải	10.10.87	Hà Nội	15	24	39	
660	Nguyễn Vũ Hải	20.12.86	Hải Phòng	23	36	59	
661	Lê Thị Hào	15.05.70	Hà Nội	22	27	49	
662	Trần Thị Thanh Hào	23.06.81	Vĩnh Phúc	18	48	66	
663	Nguyễn Mai Hanh	10.02.87	Yên Bái			0	
664	Đỗ Thị Hanh	20.06.87	Thanh Hoá	20	37	57	
665	Nguyễn Hồng Hanh	14.03.88	Hà Nội	22	35	57	
666	Lê Hồng Hanh	25.01.88	Thanh Hoá	16	37	53	
667	Nguyễn Thị Hanh	13.06.79	Hà Tây	16	39	55	
668	Nguyễn Hồng Hanh	04.11.87	Hà Nội	18	43	61	
669	Phùng Thị Hanh	05.11.87	Thái Bình	23	39	62	
670	Đặng Xuân Hồng	09.08.83	Hà Tây	19	31	50	
671	Nguyễn Minh Hồng	05.10.86	Bắc Ninh			0	
672	Lê Thị Hồng	19.10.88	Thanh Hoá	11	41	52	
673	Nguyễn Bích Hồng	15.03.83	Hà Nội			0	
674	Lê Thị Thanh Hương	15.04.84	Ninh Bình	18	42	60	
675	Trần Thị Thu Hương	20.09.85	Lạng Sơn	18	46	64	
676	Nguyễn Việt Hùng	27.02.89	Hà Nội	23	36	59	
677	Đoàn Mạnh Hùng	10.04.85	Nam Định	23	34	57	
678	Đặng Thị Minh Hiền	16.03.80	Hà Nội	23	48	71	
679	Vũ Thị Thu Hiền	17.10.85	Hà Nội	22	46	68	
680	Nguyễn Minh Hiền	12.12.85	Hà Nội			0	
681	Phạm Thị Hiền	10.11.87	Hải Phòng	19	42	61	
682	Ngô Duy Hiền	10.07.86	Lào Cai			0	
683	Trần Thu Hiền	14.08.86	Nam Định	21	43	64	
684	Phùng Ngọc Hiệp	23.11.84	Hà tây	19	35	54	
685	Nguyễn Mạnh Hiệp	06.03.81	Hải Dương	22	46	68	
686	Nguyễn Tùng Hiệp	18.12.83	Hà Nội	15	31	46	
687	Nguyễn Hoàng Hiếu	24.09.88	Hà Nội	16	39	55	
688	Nguyễn Minh Hiếu	20.10.88	Hải Dương			0	
689	Nguyễn Đức Hiếu	07.05.85	Hà Nội	22	41	63	
690	Nguyễn Văn Hiếu	03.09.86	Hà Nội	21	34	55	
691	Hoàng Thị Hợp	25.06.85	Nam Định	21	28	49	
692	Trịnh Xuân Hưng	07.01.83	Hà Tây	23	34	57	
693	Phạm Hải Hưng	26.02.82	Hưng Yên	22	30	52	
694	Đào Duy Hưng	03.06.87	Hà Nội	23	50	73	
695	Ngô Quang Hưng	09.08.76	Hà Nội	23	39	62	
696	Đinh Công Hưng	07.07.86	Hà Nội	18	47	65	
696a	Bùi Mạnh Hùng	05.10.86	Hải Dương	17	31	48	

Tr-êng ®i hắc Hụ Núi
Trung t©m Sụo t'ô tỗ xa

Danh s, ch thÝ sinh dư thi ®Çu vọo k17B

Nguy thi: S, ng chñ nhËt nguy 17 - 09 - 2006

Spa ®iÖm; Tr-êng cÊp III Kim li^n

Phßng thi: Sè

SBD	HỌ VÀ T^n	NGÀY SINH	NƠI SINH	NGHE	Đ.VIẾT	TỔNG	GHI CHÚ
697	Nguyễn Thị Thuý Hoà	26.03.85	Hà Nam	25	37	62	
698	Nguyễn Văn Hoà	14.10.80	Hà Nam	21	31	52	
699	Nguyễn Thị Khánh Hoà	06.09.86	Tuyên Quang	25	53	78	
700	Đào Thị Hoài	07.11.84	Bắc Ninh	22	39	61	
701	Ngô Thị Thu Hoài	30.08.86	Hà Tĩnh	26	54	80	
702	Nguyễn Kim Hoàn	10.10.82	TP. HCM	8	9	17	
703	Phùng Thị Hoàn	13.02.87	Hà Nội			0	
704	Phạm Thị Hoàn	12.02.84	Hải Dương	20	33	53	
705	Ngô Thị Minh Hoàn	03.03.85	Hà Nội	19	32	51	
706	Nguyễn Huy Hoàng	17.12.88	Hà Nội	20	30	50	
707	Phạm Hữu Hoàng	12.10.88	Hà Nội			0	
708	Trần Ngọc Hoa	02.10.88	Yên Bái	19	21	40	
709	Trần Kiều Hoa	27.02.87	Hà Nội	14	22	36	
710	Nguyễn Diệu Hoa	11.02.85	Hà Nội			0	
711	Phan Thị Hoa	04.05.87	Hải Dương	16	23	39	
712	Trần Thị Kim Hoa	14.05.83	Hà Nội	21	25	46	
713	Nguyễn Thị Hoa	17.08.84	Nghê An	23	34	57	
714	Eng Son Houa	13.05.85	Campuchia	23	26	49	
715	Ngô Văn Huân	01.08.73	Bắc Ninh	13	32	45	
716	Lê Thị Huệ	18.06.88	Hưng Yên	4	4	8	
717	Lương Xuân Huy	27.05.82	Hà Nội	17	10	27	
718	Nguyễn Minh Huy	10.10.82	Hà Nội	5	6	11	
719	Nguyễn Ngọc Huy	08.07.87	Lào Cai			0	
720	Nguyễn Vũ Huy	15.12.87	Hà Nội	18	31	49	
721	Vũ Quang Huy	14.02.85	Hà Nội	22	40	62	
722	Nguyễn Lê Huy	12.07.87	Thái Bình	22	40	62	
723	Phạm Thị Huyền	24.12.85	Hà Tây			0	
724	Nguyễn Thị Thanh Huyền	02.12.88	Nam Định	16	39	55	
725	Đỗ Thị Huyền	26.10.78	Hà Nội	14	31	45	
726	Nguyễn Thanh Huyền	10.02.88	Hà Nội			0	
727	Chu Thanh Huyền	20.01.85	Hà Nội	18	42	60	
728	Mai Ngọc Huyền	27.10.86	hà Nội	18	36	54	
729	Hoàng Thị Thanh Huyền	08.08.87	Hải Dương	21	43	64	
730	Đỗ Thanh Huyền	24.03.87	Thanh Hoá	16	35	51	
731	Đặng Thị Nguyễn Huyền	12.10.86	Tuyên Quang	15	26	41	
732	Nguyễn Thị Thu Huyền	25.09.75	Hà Nội	20	25	45	
733	Nguyễn Duy Khánh	26.08.87	Hà Nội	20	27	47	
734	Nguyễn Quang Khải	07.07.80	Hải Phòng	16	29	45	
735	Trần Thọ Khang	18.02.87	Nam Định	16	21	37	

Tr-êng ®'i hắc Hụ Núi
Trung t©m Sụo t'ô tở xa

Danh s, ch thÝ sinh dư thi ®Çu vọo k17B

Nguy thi: S, ng chñ nhËt nguy 17 - 09 - 2006

Spa ®iOm; Tr-êng cÊp III Kim li^n

Phßng thi: Sè

SBD	HỌ VÀ T^n		NGÀY SINH	NƠI SINH	NGHE	Đ.VIẾT	TỔNG	GHI CHÚ
736	Nguyễn Thành	Khiêm	21.10.84	Hà Tây	21	41	62	
737	Trần Trung	Kiên	11.09.87	Hà Nội	21	32	53	
738	Nguyễn Ngọc	Kiên	20.09.83	Thái Bình	25	26	51	
739	Đỗ Văn	Kim	30.12.80	Hà Nội	17	20	37	
740	Đinh Mạnh Tùng	Lâm	23.10.81	Bắc Giang	20	40	60	
741	Trần	Lâm	23.12.86	Hà Nội	25	45	70	
742	Quách Thị Ngọc	Lê	05.01.82	Hà Nam	19	33	52	
743	Phạm Mai	Lan	10.02.82	Yên Bái	6	5	11	
744	Mai	Lan	21.02.80	Thanh Hoá	21	35	56	
745	Nguyễn Thị	Lan	13.09.68	Hà Nội	16	40	56	
746	Nguyễn Thị	Lan	08.03.82	Thanh Hoá	21	28	49	
747	Phạm Thị	Len	06.02.71	Nam Định	19	30	49	
748	Dương Phan Hương	Liên	29.12.86	Hà Nội	25	33	58	
749	Ngô Thị Phương	Liên	21.01.71	Hà Nội	25	26	51	
750	Đỗ Thuỳ	Linh	10.12.86	Hà tây	20	33	53	
751	Nguyễn Phương	Linh	20.02.86	Hà Nội	2	10	12	
752	Nguyễn Thuỳ	Linh	09.10.81	Hà Nội	19	40	59	
753	An Mộng	Linh	07.11.83	Hà Nội	20	51	71	
754	Nguyễn Bùi Diệu	Linh	29.03.83	Nam Định	25	51	76	
755	Phùng Diệu	Linh	15.09.86	Thanh Hoá	26	41	67	
756	Nguyễn Hùng	Linh	10.10.82	Hà Nội			0	
757	Nguyễn Thuỳ	Linh	14.07.88	Hà Tây	15	22	37	
758	Đặng Hiền	Linh	15.09.83	Hà Nội	18	41	59	
759	Nguyễn Thị Thuỳ	Linh	13.11.87	Hà Nội	24	42	66	
760	Nguyễn Diệu	Linh	20.08.88	Hà Nội	6	5	11	
761	Lê Hoàng	Linh	07.01.88	Hà Nội	24	40	64	
762	Nguyễn Thuỳ	Linh	19.11.85	Hà Nội	21	33	54	
763	Phạm Thị Diệu	Linh	05.11.87	Sơn La	18	34	52	
764	Nguyễn Thị Hoài	Linh	12.03.86	Hà Tây	23	44	67	
765	Nguyễn Thuỳ	Linh	25.10.85	Hà Nội	27	44	71	
766	Chu Thuỳ	Linh	25.09.85	Hà Nội	18	36	54	
767	Ta Thuỳ	Linh	03.09.88	Hà Nội	15	24	39	
768	Tại Bích	Loan	07.04.85	Hà Nội	24	40	64	
769	Hoàng Thị	Loan	20.11.86	Hà Tây	23	46	69	
770	Hoàng Thị	Loan	16.11.82	Bắc Ninh	24	22	46	
771	Nguyễn Thanh	Loan	15.05.88	Hà Nội	22	25	47	
772	Mai Ngọc	Loan	28.06.86	Hà Nội	17	33	50	
773	Lã Thị Thanh	Loan	08.05.85	Hà Nội	22	34	56	
774	Lê Thanh	Loan	26.08.87	Hà Nội	23	38	61	
774a	Lê Quốc	Long	29.06.88	Hà Nội	21	33	54	

Tr-êng ®i hắc Hụ Núi
Trung t©m Sụo t'ô tở xa

Danh s, ch thÝ sinh dư thi ®Çu vựo k17B

Nguy thi: S,ng chñ nhËt nguy 17 - 09 - 2006

Spa ®iÔm; Tr-êng cÊp III Kim li^n

Phßng thi: Sè

SBD	HỌ VÀ T^n		NGÀY SINH	NƠI SINH	NGHE	Đ.VIẾT	TỔNG	GHI CHÚ
775	Trần Thị Bích	Loan	25.01.085	Hà Nội	21	44	65	
776	Nguyễn Thị	Loan	09.12.86	Hà Tây	21	37	58	
777	Lê Thị	Lợi	20.11.86	Vĩnh Phúc	20	39	59	
778	Cao Văn	Long	20.12.87	Hải Dương	18	34	52	
779	Nguyễn Công	Long	09.01.80	Hải Phòng	19	26	45	
780	Nguyễn Thành	Long	15.12.86	Hưng Yên	16	32	48	
781	Lê Văn	Long	10.04.85	Hải Phòng	5	6	11	
782	Huông	Long	07.04.83	Campuchia	25	41	66	
783	Vũ Ngọc	Long	29.01.79	Hà Nội	22	44	66	
784	Nguyễn Thành	Luân	28.10.87	Hà Nội	24	35	59	
785	Lê Diệu	Ly	24.05.85	Hà Nội	23	40	63	
786	Vương Bảo	Ly	09.08.88	Hà Nội	22	52	74	
787	Vũ Thị Hồng	Ly	22.03.87	Vĩnh Phúc	16	39	55	
788	Tô Ngọc	Minh	30.01.83	Hà Nội	23	42	65	
789	NguyễnThị Tuyết	Mai	04.07.79	Vĩnh Phúc	25	39	64	
790	Nguyễn Diệu	Mai	02.08.87	Yên Bái	5	6	11	
791	Nguyễn Ngọc	Mai	21.04.88	Hải Dương	22	44	66	
792	Nguyễn Thị	Mai	05.12.87	Bắc Giang	25	45	70	
793	Trần Thị Ngọc	Mai	28.03.88	Hà Nam			0	
794	Trương Thị	Mùi	31.05.74	Hà Nam	23	41	64	
795	Kiều Thanh	Minh	04.04.84	Hà Tây	17	43	60	
796	Nguyễn Lê	Minh	19.04.86	Phú Thọ			0	
797	Bùi Lê	Minh	17.08.88	Vĩnh Phúc	5	6	11	
798	Phạm Thị	Minh	05.02.87	Thanh Hoá	17	39	56	
799	Nguyễn Thị	Minh	13.01.85	Hà nôi	22	47	69	
800	Bùi Thanh	Minh	04.11.88	Thái Bình	22	47	69	
801	Trịnh Ngọc	Minh	09.09.88	Hà Nội	25	49	74	
802	Bùi Thị Hà	My	03.11.88	Hải Phòng	23	47	70	
804	Đặng Thị	Nam	18.02.86	Phú Thọ	22	38	60	
805	Nguyễn Văn	Nam	29.01.87	Lào Cai	22	27	49	
806	Nguyễn Hồng	Nam	31.05.86	Hà Nội	18	37	55	
807	Nguyễn Thị Bích	Nga	17.04.86	Hà Nội			0	
808	Phạm Thị	Nga	09.02.87	Ninh Bình	14	38	52	
809	Nguyễn Thanh	Ngọc	25.11.88	Hà Nội	23	47	70	
810	Trần Khắc	Ngọc	24.01.75	Yên Bái	16	40	56	
811	Nguyễn Bích	Ngọc	10.10.88	Hà Nội	8	7	15	
812	Dương Thị Bích	Ngọc	31.08.82	Nam Định	26	47	73	
813	Mai Sỹ	Ngọc	28.10.87	Thanh Hoá	21	44	65	
814	Tống Xuân	Ngọc	19.07.88	Hà Nội	25	42	67	
815	Võ Thị Thu	Ngọc	12.08.76	Hà Nội	19	39	58	
815a	Phạm Tuấn	Long	05.01.85	Ha Nội	23	39	62	

Tr-êng ®i hắc Hụ Núi
Trung t©m Sụo t'ô tở xa

Danh s, ch thÝ sinh dư thi ®Çu vọo k17B

Ngųy thi: S, ng chñ nhËt ngųy 17 - 09 - 2006

Spa ®iÖm; Tr-êng cÊp III Kim li^n

Phßng thi: Sè

SBD	HỌ VÀ T^n		NGÀY SINH	NƠI SINH	NGHE	Đ.VIẾT	TỔNG	GHI CHÚ
816	Lê Thị Bích	Ngọc	21.02.85	Hải Phòng	21	26	47	
817	Hoàng Bích	Ngọc	10.12.83	Hà Nội	25	36	61	
818	Trần Thị	Ngọc	30.08.87	Hà Tây			0	
819	Bùi Thị Kim	Ngọc	10.11.83	Phú Thọ	17	28	45	
820	Nguyễn Minh	Nghĩa	28.12.85	Hà Nội	7	7	14	
821	Lê Trọng	Nghĩa	03.11.85	Hà Nội	21	30	51	
822	Vũ Bá	Nguyên	10.08.83	Hà Bắc	25	38	63	
823	Dương Mạnh	Nguyên	06.03.86	Hà Nội	19	32	51	
824	Vũ Bích	Nhài	24.02.87	Hà Nội	19	33	52	
825	Trần Thanh	Nhàn	02.01.85	Hà Nội	20	31	51	
826	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	29.03.85	Hà Nội	24	30	54	
827	Phạm Thanh	Nhàn	27.03.81	Hà Nội	14	31	45	
828	Nguyễn Minh	Nhàn	20.08.88	Hà Nội			0	
829	Bùi Thị Thu	Nhàn	05.06.87	Ninh Bình	12	27	39	
830	Trần Thị	Nhã	10.10.86	Nam Định	13	32	45	
831	Đàm Minh	Nhất	08.07.85	Hoà Bình	15	34	49	
832	Võ Tấn	Nhất	10.12.87	Quảng Ngãi	9	26	35	
833	Đào Thị	Nhuân	24.10.87	Hung Yên	7	23	30	
834	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	06.06.85	Nam định	19	37	56	
835	Lê Thị	Nhung	28.09.84	Thanh Hoá	20	49	69	
836	Phạm Trang	Nhung	10.08.88	Yên Bái	7	8	15	
837	Trần Thị Thanh	Nhung	01.09.79	Vĩnh Phúc	19	27	46	
838	Lê Hồng	Nhung	08.03.88	Hà Nội	15	24	39	
839	Trần Hồng	Nhung	11.09.84	Hà Nội	18	35	53	
840	Quách Hồng	Nhung	08.02.86	Hà Nội	24	42	66	
841	Phạm Hồng	Nhung	20.11.87	Hà Nội	25	39	64	
842	Nguyễn Hồng	Nhung	05.02.85	Hà Nội	18	33	51	
843	Trần Thị Tuyết	Nhung	29.06.88	Phú Thọ	18	31	49	
844	Dương Thị Kiều	Oanh	22.02.87	Lạng Sơn	11	17	28	
845	Hoàng Thu	Phương	12.12.82	Bắc Giang			0	
846	Vũ Thị Minh	Phương	08.01.88	Nam Định	8	38	46	
847	Lý Thị Minh	Phương	07.02.88	Hà Nội	23	35	58	
848	Trình Lan	Phương	15.12.86	Hà Nội	13	43	56	
849	Nguyễn Lan	Phương	05.05.87	Hà Nội	15	34	49	
850	Nguyễn Thị Mai	Phương	10.11.86	Nghê Tĩnh	30	58	88	
851	Cao Thị Thu	Phương	29.01.81	Hà Nội	15	45	60	
852	Nguyễn Thu	Phương	15.08.88	Hà Nội			0	
853	Nguyễn Thị Hà	Phương	03.09.87	Hà Giang	16	45	61	
854	Chu Thị	Phương	15.05.84	Bắc Giang			0	
855	Nguyễn Thị	Phương	11.04.88	Hung Yên	6	26	32	

Tr-êng ®i hắc Hụ Núi
Trung t©m Sụo t'ô tỗ xa

Danh s, ch thÝ sinh dù thi ®Çu vọo k17B

Nguy thi: S, ng chñ nhËt nguy 17 - 09 - 2006

Spa ®iÖm; Tr-êng cÊp III Kim li^n

Phßng thi: Sè

SBD	HỌ VÀ T^n		NGÀY SINH	NƠI SINH	NGHE	Đ.VIẾT	TỔNG	GHI CHÚ
856	Hoàng ThiThu	Phuong	28.07.87	Hoà Bình	21	38	59	
857	Vũ Lan	Phuong	14.12.84	Hà Nội	21	30	51	
858	Nguyễn Mai	Phuong	08.03.88	Hà Nội	18	49	67	
859	Trần Xuân	Phuong	24.01.82	Hà Nội			0	
860	Nguyễn Thị Đan	Phuong	10.02.88	Bắc Ninh	26	50	76	
861	Nguyễn Thu	Phuong	22.05.88	Hưng Yên			0	
862	Nguyễn Hà	Phuong	02.02.87	Hà Nội	20	34	54	
863	Tô Minh	Pha	15.02.76	Hà Tây	19	38	57	
864	Đoàn Khánh	Phan	01.07.87	Nam Định	18	31	49	
865	Phạm Thị Mai	Phuong	02.12.73	Yên Bái			0	
866	Hoàng Xuân	Phú	01.08.86	Hà Nội			0	
867	Bùi Viết	Phong	28.11.82	Hà Tây	20	44	64	
868	Đoàn Hương	Phong	26.08.88	Hà Nội	19	38	57	
869	Nguyễn Đức	Quân	03.02.88	Hà Nội	19	41	60	
870	Nguyễn Bình	Quân	07.09.88	Hà Nội	5	5	10	
871	Nguyễn Công	Quân	25.02.81	Hà Nội	19	34	53	
872	Đoàn Minh	Quân	13.06.83	Phú Thọ	15	32	47	
873	Nguyễn Minh	Quân	11.08.84	Hà Nội	16	17	33	
874	Vũ Hồng	Quân	31.05.87	Hà Nội	23	35	58	
875	Dương Tấn	Quang	07.01.87	Hà Nội	20	46	66	
876	Bùi Đăng	Quang	11.01.79	Thái Bình	18	27	45	
877	Phan Tâm	Quang	03.12.88	Hà Nội	16	35	51	
878	Nguyễn Hương	Quế	18.08.88	Bắc Cạn	4	4	8	
879	Âu Dương	Quế	02.06.72	Bắc Ninh	17	38	55	
880	Trương Văn	Quý	01.12.83	Hà Nam	20	35	55	
881	Đặng Thị Ngọc	Quyên	30.09.88	Vĩnh Phú	23	37	60	
882	Bùi Hà	Quyên	19.08.86	Hà Nội	23	37	60	
883	Tô Nguyễn Hương	Quyên	30.08.88	Quảng Ninh	22	41	63	
884	Nguyễn Thị Thu	Quyên	04.04.87	Thái Nguyên			0	
885	Trương Văn	Quyên	23.03.84	Thanh Hoá	18	36	54	
886	Nguyễn Thị	Sâm	27.09.78	Hà Tây	17	29	46	
887	Nguyễn Minh	Sâm	04.05.88	Hà Nội			0	
888	Chu Thị	Sơn	17.04.62	Hà Tây	18	39	57	
889	Nguyễn Thanh	Sơn	06.02.63	Hà Nội	20	36	56	
890	Nguyễn Hoài	Sơn	27.11.85	Hà Nội	24	43	67	
891	Mai Hồng	Sơn	13.08.88	Thái Bình	15	33	48	
892	Hoàng Minh	Sơn	12.04.87	Hà Nội	17	28	45	
893	Trịnh Thị	Sa	07.09.87	Thanh Hoá	17	29	46	
894	Doeuek	Sammang	30.10.83	Campuchia	24	43	67	

Tr-êng ®'i hắc Hụ Núi
Trung t©m Sụo t'ô tở xa

Danh s, ch thÝ sinh dư thi ®Çu vọo k17B

Nguy thi: S, ng chñ nhËt nguy 17 - 09 - 2006

Şpa ®iÖm; Tr-êng cÊp III Kim li^n

Phßng thi: Sè

SBD	HỌ VÀ T^n	NGÀY SINH	NƠI SINH	NGHE	Đ.VIẾT	TỔNG	GHI CHÚ
895	Nguyễn Xuân Sinh	27.07.88	Hà Nội	17	36	53	
896	Say souvanh Somvo ra	03.12.87	Lào	18	34	52	
897	Seng Sophea	04.05.84	Campuchia	24	28	52	
898	Nuon Sopheap	01.02.86	Campuchia	25	35	60	
899	Năng Hoàng Suốt	16.12.74	Hà Nội	14	25	39	
900	Mai Văn Tâm	24.01.86	Nam Định	15	22	37	
901	Nguyễn Thanh Tâm	07.08.89	Hà Nội	4	4	8	
902	Trần Thị Vũ Tâm	27.01.84	Hà Tây	6	21	27	
903	Tô Thành Tâm	28.11.88	Thái Bình	24	41	65	
904	Koeng Taychheng	02.05.84	Campuchia	24	46	70	
905	Vũ Anh Thư	15.11.87	Hà Nội	24	42	66	
906	Lê Thị Thơm	21.07.85	Hà Nội	26	44	70	
907	Đỗ Kim Thành	28.06.87	Nam Định	25	42	67	
908	Nguyễn Thị Kim Thành	16.05.86	Hà Tĩnh	24	37	61	
909	Nguyễn Minh Thành	17.08.89	Hưng Yên	4	5	9	
910	Dương Văn Thành	30.10.87	Hà Nội	23	40	63	
911	Nguyễn Đức Thành	20.08.85	Hà Nội			0	
912	Nguyễn Đăng Thành	12.08.85	Hà Nội	15	30	45	
913	Nguyễn Thị Hà Thành	25.10.87	Hà Nội	20	25	45	
914	Phạm Thành	03.01.87	Hà Nội	25	39	64	
915	Lê Tiến Thành	24.03.88	Hà Nội	21	48	69	
916	Trần Thị Phương Thảo	27.01.87	Hà Nội	23	30	53	
917	Lê Phương Thảo	20.10.88	Bắc Cạn	1	7	8	
918	Đỗ Thị Thảo	27.05.82	Nam Định			0	
919	Ta Thị Phương Thảo	14.06.78	Hà Nội	19	36	55	
920	Kiều Thị Phương Thảo	17.07.88	Hà Nội	18	43	61	
921	Phạm Thị Phương Thảo	07.06.84	Hải Phòng	22	41	63	
922	Phạm Thanh Thảo	18.10.86	Hà Nội	19	40	59	
923	Vũ Thị Thắng	10.06.81	Lạng Sơn	20	44	64	
924	Trần Xuân Thắng	28.01.83	Hà Nam	22	46	68	
925	Nguyễn Xuân Thắng	08.08.88	Hưng Yên	5	8	13	
926	Nguyễn Chí Thắng	26.07.86	Hà Nội	24	26	50	
927	Bùi Đức Thắng	09.10.84	Nghê An	21	31	52	
928	Bùi Kim Thạch	29.06.81	hà Nội	18	27	45	
929	Sao Ratha	15.03.85	Campuchia	23	37	60	
930	Nguyễn Đức Thọ	15.04.84	Hà Nội	23	29	52	
931	Phạm Chí Thanh	19.07.88	Yên Bái			0	
932	Phạm Đắc Thanh	01.09.87	Lào Cai	21	30	51	
933	Nguyễn Phương Thanh	13.11.88	Hà Nội	22	48	70	
933a	Chu Lập Thành	14.12.88	Thanh Hoá	24	45	69	

Tr-êng ®'i hắc Hụ Núi
Trung t©m Sụo t'ô tở xa

Danh s, ch thÝ sinh dư thi ®Çu vọo k17B

Nguy thi: S, ng chñ nhËt nguy 17 - 09 - 2006

Spa ®iÔm; Tr-êng cÊp III Kim li^n

Phßng thi: Sè

SBD	HỌ VÀ T^n		NGÀY SINH	NƠI SINH	NGHE	Đ.VIẾT	TỔNG	GHI CHÚ
934	Nguyễn Kim	Thanh	26.01.87	Hà Nội	21	39	60	
935	Lê Hồng	Thanh	04.09.85	Hà Nội	21	28	49	
936	Nguyễn Kim	Thanh	21.09.85	Hà Nội	25	33	58	
937	Phan Hoàng	Thao	01.06.88	Nghê An	26	36	62	
938	Phuen	Theara	13.05.85	Campuchia	25	39	64	
939	Nguyễn Minh	Thiên	14.05.88	Hoà Bình			0	
940	Ngô Duy	Thiên	07.11.87	Hà Nội	18	37	55	
941	Lý Thị	Thoa	09.06.88	Thanh Hoá	7	10	17	
942	Nguyễn Chí	Thức	04.01.85	Phú Thọ	21	44	65	
943	Hoàng Văn	Thịnh	03.03.85	Thái Bình	1	2	3	
944	Ngô Quang	Thịnh	30.09.84	Hà Nội	22	39	61	
945	Phí Thị Xuân	Thu	09.03.82	Vĩnh Phúc	20	43	63	
946	Vũ Thị Minh	Thu	31.11.87	Thái Bình	19	49	68	
947	Nguyễn Hoài	Thu	08.08.88	Hưng Yên	19	45	64	
948	Trần Hoài	Thu	03.10.86	Hà Nội			0	
949	Nguyễn Minh	Thu	23.10.88	Hà Tây	21	47	68	
950	Trần Văn	Thuấn	13.10.70	Bắc Ninh	17	41	58	
951	Đỗ Văn	Thuấn	04.04.86	Ninh Bình	14	24	38	
952	Lê Biên	Thùy	15.10.85	Thanh Hoá	27	51	78	
953	Lê Thị	Thùy	20.08.88	Thanh Hoá	13	17	30	
954	Nguyễn Đan	Thùy	14.10.84	Hà Nội	4	4	8	
955	Nguyễn Thu	Thủy	20.08.88	Thanh Hoá			0	
956	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	26.04.81	Hà Nội	28	43	71	
957	Trần Thu	Thủy	06.01.81	Hà Nội	28	46	74	
958	Nguyễn Thị Thu	Thủy	18.11.84	Hà Nội	25	35	60	
959	Nguyễn Thị	Thủy	05.09.85	Thanh Hoá	20	46	66	
960	Trần Thanh	Thủy	25.10.88	Hà Nội	15	42	57	
961	Nguyễn Thị	Thủy	24.03.88	Bắc Giang	16	38	54	
962	Nguyễn Thị	Thủy	15.01.85	Hưng Yên	16	21	37	
963	Vũ Thùy	Thủy	15.08.87	Thanh Hoá	8	7	15	
964	Hoàng Thanh	Thủy	27.09.87	Ninh Bình	22	41	63	
965	Vũ Thị	Thủy	13.01.86	Nam Định	25	41	66	
966	Nguyễn Thị Thu	Thủy	03.04.88	Hải Dương	20	38	58	
967	Đàm Thị	Thủy	19.11.87	Quảng Ninh	17	33	50	
968	Trần Thị Xuân	Thủy	20.01.75	Hà Nội	20	37	57	
969	Tô Thị Thanh	Thủy	14.12.82	Vĩnh Phúc	24	33	57	
970	Dương Thị	Thủy	02.01.86	Bắc Ninh	20	33	53	
971	Nguyễn Hương	Thủy	01.01.88	Hưng Yên	7	8	15	
972	Nguyễn Thị Cẩm	Thủy	18.10.86	Hà Nội	24	43	67	
973	Vũ sơn	Tùng	14.07.85	Sơn La	14	34	48	
973a	Đỗ Anh	Tú	07.08.88	Ha Nội	26	41	67	

Tr-êng ®i hắc Hụ Núi
Trung t©m Sụo t'ô tở xa

Danh s, ch thÝ sinh dư thi ®Çu vọo k17B

Nguy thi: S, ng chñ nhËt nguy 17 - 09 - 2006

Spa ®iÓm; Tr-êng cÊp III Kim li^n

Phßng thi: Sè

SBD	HỌ VÀ T^n	NGÀY SINH	NƠI SINH	NGHE	Đ.VIẾT	TỔNG	GHI CHÚ
974	Nguyễn Thanh Tùng	26.12.87	Hà Nội	20	36	56	
975	Nguyễn Thanh Tùng	24.05.84	Nam Định	25	31	56	
976	Lương Sơn Tùng	17.02.84	Hà Nội	27	34	61	
977	Lê Thanh Tùng	07.10.86	Hà Nội	27	31	58	
978	Nguyễn Thạch Tùng	29.07.82	Phú Thọ	24	34	58	
979	Nguyễn Quang Tùng	09.09.87	Hà Nội	18	21	39	
980	Nguyễn Thanh Tùng	10.10.80	Hưng Yên	5	8	13	
981	Dương Thanh Tùng	16.06.86	Hà Nội	20	30	50	
982	Phạm Khánh Tùng	23.03.85	Hà Nội	14	13	27	
983	Vương Đình Tùng	12.08.88	Hà Tây	20	30	50	
984	Đỗ Hữu Tiến	12.08.87	Hà Nội	22	28	50	
985	Ngô Văn Tiến	01.09.86	Ha tây	22	28	50	
986	Phạm Cẩm Tú	02.10.87	Hà Nội	26	34	60	
987	Đỗ Anh Tú	19.08.88	Hà Nội	21	38	59	
988	Đỗ Việt Tú	19.10.84	Hà Nội	20	14	34	
989	Trần Hoàng Mạnh Tú	14.12.87	Hà Nội	20	25	45	
990	Nguyễn Tuấn Tú	18.08.88	Hà Nội	5	7	12	
991	Nguyễn Đức Tú	08.07.75	Bắc Ninh	19	15	34	
992	Ng. Phương Thủy Tôn Ân	05.06.87	Hà Nội	22	24	46	
993	Đỗ Toàn	02.04.87	Hà Tây	23	22	45	
994	Tô Văn Toàn	17.11.87	Quảng Ninh	20	27	47	
995	Phạm Bá Toàn	03.05.84	Hải Phòng	18	28	46	
996	Nguyễn Văn Tráng	21.08.83	Hưng Yên			0	
998	Lê Văn Trình	11.08.74	Hưng Yên	12	16	28	
999	Phạm Thị Hương Trà	06.04.88	Quảng Ninh	17	30	47	
1000	Trần Huyền Trang	10.01.88	Hà Nội	15	30	45	
1001	Bùi Thị Hồng Trang	26.03.87	Hà Nội	15	26	41	
1002	Lê Thị Thu Trang	01.06.88	Hà Nội	17	32	49	
1003	Trần Huyền Trang	22.06.88	Hà Nội	18	36	54	
1005	Nguyễn Thị Trang	10.06.87	Hà Tây	18	34	52	
1006	Nguyễn Quỳnh Trang	05.08.87	Hà Nội	21	30	51	
1007	Nguyễn Huyền Trang	17.07.87	Quảng Ninh	17	24	41	
1008	Vũ Hồng Trang	16.11.86	Hà Nội	23	30	53	
1009	Nguyễn Hồng Trang	24.05.87	Hà Nội	23	29	52	
1010	Trần Huyền Trang	14.05.86	Hà nội	25	40	65	
1011	Nguyễn Linh Trang	10.08.88	Hà Nội	5	6	11	
1012	Nguyễn Thu Trang	25.09.87	Hà Nội	21	41	62	
1013	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	02.03.88	Hà Nội	19	39	58	
1014	Lê Thu Trang	17.01.87	Hà Nội	14	31	45	
1014a	Nguyễn Khánh Việt	30.10.87	Hà Nội	17	32	49	
1014b	Ngô Thi Trang	21.06.82	Hà Nội	16	23	39	

Tr-êng ®'i hắc Hụ Núi
Trung t©m Sụo t'ô tở xa

Danh s, ch thÝ sinh dư thi ®Çu vựo k17B

Ngự thi: S, ng chñ nhËt ngự 17 - 09 - 2006

Spa ®im; Tr-êng cÊp III Kim li^n

Phßng thi: Sè

SBD	HỌ VÀ T^n		NGÀY SINH	NƠI SINH	NGHE	Đ.VIẾT	TỔNG	GHI CHÚ
1015	Phùng Thị Minh	Trang	09.08.57	Hà Nội	28	63	91	
1016	Đinh Mai Thu	Trang	12.07.85	Hà Nội			0	
1017	Nguyễn Đình	Trường	01.12.79	Hà Nội	17	38	55	
1018	Nguyễn Quang	Trung	29.08.80	Hà Nội	16	23	39	
1019	Vũ Quang	Trung	03.04.80	Hà Sơn Bình	20	39	59	
1020	Nguyễn Quốc	Trung	26.1983	Hà Nội	17	44	61	
1021	Nguyễn Minh	Trung	10.08.88	Hà Nội	5	6	11	
1022	Phạm Trần	Trung	24.01.89	Hà Nội	17	39	56	
1023	Lê Tiến	Trung	08.11.83	Ninh Bình	18	35	53	
1024	Nguyễn Thành	Trung	21.03.83	Hà Nội	12	33	45	
1025	Phạm Hiếu	Trung	02.04.82	Phú Thọ	20	30	50	
1026	Lê Chính	Trúc	15.03.81	Hà Nội	15	24	39	
1027	Phạm Minh	Tuấn	03.09.88	Hà Nội	17	28	45	
1028	Trương Minh	Tuấn	05.07.85	Ninh Bình	23	27	50	
1029	Đỗ Quang	Tuấn	18.12.88	Hà Nội	17	28	45	
1030	Nguyễn Quốc	Tuấn	28.08.88	Hà Nội	5	11	16	
1031	Trần Quốc	Tuấn	02.08.86	Ninh Bình	14	45	59	
1032	Phạm Minh	Tuấn	05.01.89	Hà Nội	9	44	53	
1033	Vũ Minh	Tuấn	26.12.88	Hà Nội	16	40	56	
1034	Phạm Cẩm	Tuấn	02.10.87	Hà Nội	3	6	9	
1035	Nguyễn Đức	Tuệ	24.05.81	Hà Nội	24	16	40	
1036	Nguyễn Thị	Tuyển	30.08.83	Quảng Ninh	4	28	32	
1037	Nguyễn Bạch	Tuyết	08.08.88	Yên Bái	5	5	10	
1038	Nguyễn Thị ánh	Tuyết	21.05.87	Hà tây	20	20	40	
1039	Ngô Thị	Tuyết	31.11.78	Hà Nội			0	
1040	Lê Thị	Tuyết	25.06.83	Nam Định	16	41	57	
1041	Mai Thị ánh	Tuyết	14.10.87	Hà Nội	16	41	57	
1042	Phạm Tuyết	Tuyết	10.04.87	Ninh Bình	23	49	72	
1043	Bùi	Tín	16.07.88	Hà Nội	28	51	79	
1044	Đinh Thị	Tính	22.12.85	Hà Nội	22	41	63	
1045	Hàn Ngọc	Uyển	09.07.82	Hà Nội	25	35	60	
1046	Bùi Thị	Vân	10.10.83	Hải Phòng	22	40	62	
1047	Lê Thị	Vân	05.08.85	Bắc Giang	18	22	40	
1048	Nguyễn Minh	Hiếu	11.06.84	Hà Nội	20	35	55	
1049	Vũ Thị	Huyền	19.12.86	Hà Giang	19	31	50	
1050	Đào Thị Minh	Thảo	08.11.86	Bungari	26	46	72	
1051	Lê Thanh	Hương	09.03.87	Vĩnh Phú	23	53	76	
1052	Nguyễn Văn	Cường	26.03.83	Hưng Yên	20	30	50	
1053	Phạm Huy	Sơn	18.08.88	Hà Nội	29	48	77	
1054	Phạm Thị Thanh	Huyền	24.12.88	Bắc Thái	36	29	65	
1055	Nguyễn Hoài	Vân	18.02.85	Hà Nội	7	8	15	
1056	Lê Thu	Vân	08.08.88	Hà Nội			0	
1057	Nguyễn Thị	Vân	02.03.85	Hải Phòng	18	27	45	
1058	Nguyễn Thị Hồng	Vân	25.11.84	Hưng Yên	9	23	32	
1059	Lê Thị Ngọc	Vân	03.07.83	Hưng Yên	11	24	35	

Tr-êng ®i hắc Hụ Núi
Trung t©m Sụo t'ô tở xa

Danh s, ch thÝ sinh dư thi ®Çu vọ k17B

Ngųy thi: S, ng chñ nhËt ngųy 17 - 09 - 2006

Şpa ®iÓm; Tr-êng cÊp III Kim li^n

Phßng thi: Sè

SBD	HỌ VÀ T^n	NGÀY SINH	NƠI SINH	NGHE	Đ.VIẾT	TỔNG	GHI CHÚ
1052	Nguyễn Thị Hồng Vân	07.02.87	Hà Nội	22	41	63	
1053	Hoàng Thị Hồng Vân	15.08.86	Hà tây	18	42	60	
1054	Phạm Khánh Vân	09.12.81	Hà Nội	11	26	37	
1055	Nguyễn Minh Vân	20.08.89	Hà Nội	7	8	15	
1056	Vũ Thị Hồng Vân	17.07.85	Hà Nội	11	20	31	
1057	Lê Quang Vinh	01.09.83	Hung Yên	16	29	45	
1058	Đinh Hoàng Việt	13.08.79	Hà Nội	24	29	53	
1059	Lê Quang Việt	28.02.85	Hà Nội	20	38	58	
1060	Nguyễn Việt Vũ	22.12.76	Hải Dương	13	18	31	
1061	Trần Đình Vũ	26.09.86	Hung Yên	17	28	45	
1062	Hoàng Vũ	13.08.84	Thanh Hoá	16	32	48	
1063	Trần Anh Vũ	07.12.86	Hà Nội	9	23	32	
1064	Nguyễn Anh Vũ	18.08.78	Hà Nội			0	
1065	Xiong Wue	04.05.86	Lào	16	16	32	
1066	Nguyễn Mai Xuân	10.02.86	Hà Nội	22	30	52	
1067	Đặng Thị Mai Xuân	10.03.83	Hà Nội	21	30	51	
1068	Dương Hải Yến	20.11.70	Hà Nội	14	36	50	
1069	Hoàng Yến	22.12.86	Hà Nội	15	30	45	
1070	Nguyễn Hải Yến	28.12.88	Hà Nội	25	30	55	
1071	Lê Thị Hoàng Yến	14.08.88	Yên Bái	22	32	54	
1072	Nguyễn Thị Hải Yến	15.07.87	Thái Bình	23	40	63	
1073	Nguyễn Thị Yến	18.08.88	Hà Nội			0	
1074	Ta Hải Yến	31.10.86	Hà Nội	20	33	53	
1075	Chu Hồng Hải	27.01.85	Hà Nội	17	35	52	
1076	Nguyễn Đăng Hiếu	14.12.86	Hà Nội	17	29	46	
1077	Đỗ Đức Sơn	22.11.86	Vĩnh Phúc	17	28	45	
1078	Đỗ Quốc Việt	15.10.85	Hà Nội	24	21	45	
1079	Vũ Thị Mai Phương	14.10.88	Hà Nội	21	30	51	
1080	Phan Tuyết Nhung	20.12.87	Hà Nội	22	30	52	
1081	Nguyễn Thị Hồng Linh	07.10.85	Hà Nội	16	26	42	
1082	Bùi Anh Dũng	05.05.86	Hà Nội	22	23	45	
1083	Nguyễn Quốc Hưng	22.12.86	Yên Bái	23	22	45	

Hà Nội , ngày tháng năm 2006

HỘI ĐỒNG THI